

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Thiêm**

Bà Bùi Thị Minh H

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Ông **Lê Minh Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 85/2023/HSST ngày 09/05/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HS ngày 23/06/2023 đối với bị cáo:

Trần Thị Mai H - sinh năm: 1973; Giới tính: Nữ; ĐKKHKT: Số 21/53 N1, tổ 1, phường Đ, quận L, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Minh T; Con bà: Trương Thị P; Chồng: Trần Mạnh C; có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh 2003; Theo danh bản, chỉ bản số 204 do Công an quận Cầu Giấy lập ngày 17/04/2023 bị cáo chưa có tiền án, tiền sự:

- Ngày 10/8/2017 H nhận của bà Vũ Thị Tuyết N số tiền 700.000.000 đồng để xin việc cho con trai bà N nhưng không thực hiện. Tại bản án số 01/2021/HSST ngày 04/01/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt Trần Thị Mai H 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/05/2020.

Hiện bị can đang chấp hành án tại Trại giam X – Bộ Công an (*Có mặt*).

Người bị hại: Bà **Lê Thị N1** - sinh năm: 1963,

HKTT và trú tại: B, phường V, quận N, Thành phố Hà Nội; (*Có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Khoảng tháng 5/2015, qua chị Nguyễn Thị R (SN 1969, HKTT: P206 B10 Y, HT, Cầu Giấy, Hà Nội), bà Lê Thị N1, quen biết Trần Thị Mai H. Sau khi quen nhau, H biết bà N1 có cháu họ là chị Nguyễn Thị Thu Tr (SN: 1994, HKTT: J, W, I) vừa tốt nghiệp Trung cấp Y, đang có nguyện vọng xin vào công tác tại Bệnh viện Quân y 103. Tuy không có khả năng xin việc, nhưng do cần tiền để chi tiêu cá nhân, H nói với bà N1 có mối quan hệ có thể xin việc cho chị Trang làm điều dưỡng tại Bệnh viện Quân y 103, chi phí 450.000.000 đồng, H yêu cầu bà N1 phải đưa trước 200.000.000 đồng cùng hồ sơ

khi có quyết định tiếp nhận công tác sẽ đưa nốt số tiền còn lại. Do tin tưởng, bà N1 đồng ý. Ngày 03/7/2015, tại nhà chị R ở địa chỉ: P206 B10 Y, HT, Cầu Giấy, Hà Nội, bà N1 đã giao hồ sơ xin việc của chị Trang cùng số tiền 200.000.000 đồng cho H. Việc giao nhận có chị R chứng kiến. H nhận tiền và viết 01 giấy biên nhận tiền đề ngày 03/7/2015. Đến ngày 15/7/2015, H gặp lại bà N1 tại nhà chị R. H viết tiếp cho bà N1 01 giấy cam kết với nội dung sẽ xin được việc cho chị T2 trong thời gian 08 tháng vào mặt sau giấy biên nhận tiền ngày 03/7/2015. Sau khi nhận tiền, H sử dụng để chi tiêu cá nhân hết và đã làm thất lạc hồ sơ xin việc. Đến thời hạn cam kết, H trốn tránh không gặp và trả tiền bà N1. Ngày 12/12/2016, bà Lê Thị N1 có đơn tố giác Trần Thị Mai H về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra thu giữ của bà N1 01 giấy biên nhận tiền đề ngày 03/7/2015, nội dung giấy biên nhận thể hiện: H đã nhận của bà Lê Thị N1 số tiền 200.000.000 đồng để xin việc cho cháu T2 vào Bệnh viện 103 (mặt sau có 01 nội dung ghi giấy cam kết đề ngày 15/7/2015).

Xác minh tại Bệnh viện quân y 103 xác định: Bệnh viện Quân y 103 không tiếp nhận hồ sơ xin việc của ai là Nguyễn Thị Thu T2, SN: 1994 và hiện Bệnh viện Quân y 103 không có nhân viên nào tên là Nguyễn Thị Thu T2, SN: 1994.

Kết luận giám định số 5263/KLGD-PC54 ngày 12/09/2017 của Phòng PC09-CATP Hà Nội kết luận: *“Chữ viết, chữ ký đúng tên Trần Mai H và Trần Thị Mai H trong tài liệu một mặt đề “Giấy biên nhận tiền” ngày 03/7/2015, một mặt đề “Giấy cam kết” ngày 15/7/2015 và chữ viết, chữ ký đúng tên Trần Mai H và Trần Thị Mai H trên bản tường trình là chữ do cùng một người viết và ký ra”*.

Quá trình xác minh, Cơ quan điều tra xác định: Trần Thị Mai H hiện đang chấp hành án tại Trại giam X - Bộ Công An theo Bản án số 01/2021/HSST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Tại cơ quan điều tra, Trần Thị Mai H khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

Tiến hành nhận dạng, kết quả: Bà Lê Thị N1 khẳng định Trần Thị Mai H là người đã nhận số tiền 200.000.000 đồng của bà N1 để xin việc cho chị Nguyễn Thị Thu T2 nhưng không thực hiện và không trả lại tiền.

Lời khai của Trần Thị Mai H phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Bà Lê Thị N1 yêu cầu Trần Thị Mai H hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 53/CT-VKSCG ngày 31/3/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố bị cáo Trần Thị Mai H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố Trần Thị Mai H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự như

nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy và đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt: Trần Thị Mai H từ 07 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù. Miễn phạt tiền đối với bị cáo. Buộc bị cáo trả bà Như số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có đủ cơ sở xác định: Khoảng tháng 5/2015, qua chị Nguyễn Thị R, Trần Thị Mai H biết bà Lê Thị N1. H biết bà N1 có cháu họ là chị Nguyễn Thị Thu T2 có nguyện vọng xin vào công tác tại Bệnh viện Quân y 103. Tuy không có khả năng xin việc nhưng do cần tiền để chi tiêu cá nhân, H nói với bà N1 có mối quan hệ có thể xin việc cho chị Trang làm điều dưỡng tại Bệnh viện Quân y 103, chi phí 450.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 200.000.000 đồng cùng hồ sơ khi có quyết định tiếp nhận công tác sẽ đưa nốt số tiền còn lại, bà N1 đồng ý. Ngày 03/7/2015 bà N1 đã giao hồ sơ xin việc của chị Trang và số tiền 200.000.000 đồng cho H. Sau khi nhận tiền, H sử dụng để chi tiêu cá nhân hết và đã làm thất lạc hồ sơ xin việc. Đến thời hạn cam kết, H trốn tránh không gặp bà N1 và không trả lại tiền. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác được luật pháp bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới mối quan hệ giữa người với người, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi có tội phạm xảy ra. Bản thân bị cáo là người đã trưởng thành, có nhận thức về đường lối xử lý của pháp luật, nhưng vẫn thực hiện hành vi chiếm giữ tài sản của người khác để có tiền chi tiêu cho bản thân.

Tuy không bị coi là tái phạm, nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội lần này chưa bị xử lý, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội khác với mức độ cao hơn, giá trị tài sản bị cáo lừa lớn hơn. Thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy cần phải xử bị cáo bằng 1 bản án nghiêm khắc để giáo dục và ngăn ngừa tội phạm chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xét bị cáo khai báo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải để áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Hiện tại bị cáo đang chấp hành hình phạt 12 năm tù theo quyết định tại bản án số 01/2021/HSST ngày 04/01/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt Trần Thị Mai H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: bà Lê Thị N1 yêu cầu Trần Thị Mai H bồi thường giá trị tài sản bị lừa là có căn cứ. Vì vậy buộc Trần Thị Mai H hoàn trả Lê Thị N1 số tiền 200.000.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà N1 không yêu cầu bị cáo chịu lãi suất nên ghi nhận sự tự nguyện của bà N1.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 , Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Thị Mai H từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù là có cơ sở.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí bồi thường dân sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của mình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174 , điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, nộp, án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Thị Mai H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: **Trần Thị Mai H** 08 (tám) năm tù.

Áp dụng điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 12 năm tù theo quyết định của bản án số 01/2021/HSST ngày 04/01/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt Trần Thị Mai H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/05/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Thị Mai H trả bà Lê Thị N1 số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 10.000.000 đồng án phí bồi thường dân sự và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- UBND phường Đ;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lương